

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 9 năm 2021
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thị Mỹ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Cẩm;

Ông Lê Tuấn Kiệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Lý Thế Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 408/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXX-ST ngày 24 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **N T T T**, sinh năm 1967. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số ###, khóm N, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Ông **N V B**, sinh năm 1969. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số #####, khóm N, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà **N T T T** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông **N V B** quen biết trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục và chung sống như vợ chồng từ khoảng cuối năm 1988, vợ chồng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc, thời gian sau ông **B** thường xuyên đánh đập bà, có lần ông **B** đe dọa giết bà, bà nhiều lần đã báo Công an phường **N** để giải quyết và ông **B** cũng đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính do có hành vi đánh đập bà. Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống

hôn nhân. Nay bà nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, bà yêu cầu ly hôn với ông B.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông B có 02 người con chung là anh N T T, sinh năm 1989 và anh N T D, sinh năm 1991. Ngoài ra không còn con chung nào khác.

Khi ly hôn bà N T T T xác định các con đã đủ tuổi trưởng thành và không bị nhược điểm gì về tinh thần thể chất nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T xác định bà và ông B không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông N V B, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng nhưng ông B không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng cho ông B; ông B cũng không có mặt tham gia tố tụng tại Tòa trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án; ông B đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có mặt tại Tòa án, nên không có lời khai.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm:* - Về việc tuân theo pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà N T T T và ông N V B là vợ chồng.

+ Về con chung: Do hai con chung là anh N T T, sinh năm 1989 và anh N T D, sinh năm 1991 đều đã trưởng thành và sống khỏe mạnh. Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết vấn đề nuôi dưỡng nên không đặt ra xem xét.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quan điểm phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu. Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

Về tố tụng:

Bà T yêu cầu ly hôn với ông B, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông B cư trú tại Khóm Nhà Mát, Phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu thụ lý

giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà T có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt và ông N V B đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông B.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông B tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào cuối năm 1988, là sự kiện có xảy ra trên thực tế. Tuy nhiên, quá trình sống chung như vợ chồng bà T và ông B không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình: “Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý” và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình: “Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Đồng thời tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”. Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, tuyên bố không công nhận bà N T T T và ông N V B là vợ chồng.

[2] Về con chung: Bà T và ông B thống nhất xác định quá trình chung sống có 02 con chung là anh N T T, sinh năm 1989 và anh N T D, sinh năm 1991. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, sống khỏe mạnh, bà T và ông B không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Từ các phân tích trên, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên chấp nhận tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà N T T T và ông N V B là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà N T T T và ông N V B có 02 con chung tên là anh N T T, sinh năm 1989 và anh N T D, sinh năm 1991. Do hai con chung đã trưởng thành và sống khỏe mạnh, bà T và ông B không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà N T T T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Bà T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007238 ngày 03/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thành Tp. Bạc Liêu;
- CCTHADS Tp. Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu.

Thị Mỹ Hằng